

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 3 - 2021

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giũ.
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T (Tr), sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Số 44 đường M, khóm CL6, phường VM, thành phố CD, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thúy Ng, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà Lê Thị Hồng Ph, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 22, ấp VL, thị trấn CD, huyện CP, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Do có quen biết với nhau nên bà T có tham gia chơi hụi do bà Ng làm chủ và bà Ng có mượn tiền của bà T rất nhiều lần, sau khi tổng kết lại thì bà Ng còn nợ bà T số tiền 57.000.000 đồng, sau đó có trả được 7.200.000 đồng, còn nợ lại 49.800.000 đồng, thì ngưng trả. Khi vụ việc đưa ra giải quyết tại Ban áp VP, thị trấn CD vào ngày 26/02/2019 thì bà T và bà Ng chốt lại số tiền vay và tiền hụi bà Ng còn nợ bà T là 49.800.000 đồng. Bà Ng xin trả dần nhưng sau đó đến ngày 29/3/2019 chỉ trả được 1.500.000 đồng, còn nợ lại 48.300.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà Ng trả số tiền còn nợ 48.300.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/4/2019 đến khi bà Ng trả hết số nợ.

Tại Đơn khiếu nại mức lãi suất ngày 03/6/2019, các Biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 11/6/2019, 20/8/2019 và 09/6/2020, Biên bản đối chất tại Tòa án ngày 09/6/2020, bà Phạm Thị Thúy Ng trình bày:

Bà Ng thừa nhận có mượn tiền bà T nhiều lần, còn bà T có tham gia chơi hụi do bà Ng làm chủ. Ngày 26/02/2019, khi tổng kết số tiền nợ tại Ban áp VP, thị trấn CD, bà Ng thừa nhận là còn nợ bà T số tiền 49.800.000 đồng, sau đó ngày 29/3/2019, bà Ng đã trả được 1.500.000 đồng, còn nợ lại bà T 48.300.000 đồng. Bà Ng đồng ý trả cho bà T số tiền 48.300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Ng có yêu cầu tính lãi lại đối với số tiền lãi bà Ng đã đóng cho bà T với mức lãi suất cao, cụ thể là tiền vốn 1.000.000 đồng thì đóng lãi 01 ngày 10.000 đồng (tương đương mức lãi suất 30%/tháng). Bà Ng đã đóng lãi cho bà T tính từ ngày 24/11/2017 đến trước ngày hòa giải Ban áp Vĩnh Phúc là hơn 90.000.000 đồng. Bà Ng đề nghị tính lãi lại theo quy định pháp luật và khấu trừ vào số tiền nợ của bà T. Bà Ng có người làm chứng là bà Lê Thị Hồng Ph, vì mỗi lần đóng lãi bà Ng có nhờ bà Ph đóng lãi dùm đưa cho bà T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 và Biên bản đối chất ngày 09/6/2020, bà Lê Thị Hồng Ph đã khai:

Bà Ph là người giúp việc nhà cho bà Ng và có quen biết bà T, nên bà Ng có nhờ bà Ph đi đóng tiền lãi dùm đưa cho bà T. Bà Ph được biết là bà Ng có mượn tiền của bà T nhiều lần, mỗi lần vài triệu đồng, không nhớ rõ từng lần. Mỗi lần vay là bà Ng có nhờ bà Ph đi đóng lãi dùm từng ngày cho từng số tiền vay, rồi cộng lại ngày đó bao nhiêu thì bà Ph đem tiền lại đưa cho bà T, có ngày đưa 400.000 đồng, 500.000 đồng, 670.000 đồng,... Tùy từng ngày nhưng mức lãi chung vẫn là đóng 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (tức lãi suất 30%/tháng). Việc đưa tiền lãi có khi đưa tại nhà bà T, có khi bà T lại nhà bà Ng lấy, có khi bà Ng điện thoại cho bà T ở đâu thì bà Ng nhờ bà Ph đem tiền đến đó. Bà Ng có đóng lãi cho bà T từ trước đến nay rất nhiều lần. Bà Ph không nhớ

chính xác mỗi lần đóng bao nhiêu tiền, mỗi lần đưa như vậy không có làm giấy tờ gì hay đưa sổ sách gì cho bà T ký nhận.

Tại phiên tòa,

Bà T giữ nguyên yêu cầu bà Ng trả số tiền còn nợ 48.300.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm, kể từ ngày 29/4/2019 đến khi bà Ng trả hết số nợ. Bà T xác định số tiền 48.300.000 đồng là tiền vốn vay chứ trong đó không có tiền nợ hui. Bà T không đồng ý về việc bà Ng khai đã đóng mức lãi suất cao. Bà T thừa nhận bà Ng có đóng lãi nhưng không phải là mức lãi suất cao mà theo thỏa thuận, còn đóng bao nhiêu thì bà T không nhớ, vì việc đóng lãi nhiều lần và số tiền lãi đóng cho nhiều lần vay khác nhau. Bà T thống nhất có nhận tiền do bà Ng gửi cho bà Ph trả dùm, nhưng từ khi chốt số tiền nợ 57.000.000 đồng thì bà Ph chỉ trả dùm cho bà Ng được tổng cộng 7.200.000 đồng tiền vốn vay, nên bà Ng còn nợ lại 49.800.000 đồng. Sau đó, bà Ng ngưng trả tiền nên bà T mới thưa ra Ban áp Vĩnh Phúc giải quyết thì bà Ng trả thêm được tiền vốn 1.500.000 đồng, còn nợ lại 48.300.000 đồng, bà T không đồng ý cho bà Ng trả nợ dần.

Bà Ng khai kể từ năm 2017 thì bà Ng có vay mượn của bà T nhiều lần, đến ngày 30/6/2018, bà Ng đã trả cho bà T số tiền 12.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền vốn vay 55.000.000 đồng, bà T có ghi biên nhận. Sau đó, bà Ng có nhờ bà Ph đến trả tiền cho bà T được 7.200.000 đồng nên còn nợ 47.800.000 đồng. Tại Ban áp Vĩnh Phúc, bà Ng có thừa nhận nợ bà T số tiền nợ vay 57.000.000 đồng là do bà T có nợ bà Ng nên cân trừ qua lại xem như có nợ bà T 57.000.000 đồng; do đó, mới có việc bà Ng thống nhất còn nợ bà T 49.800.000 đồng (chỉ bao gồm tiền vay) và xin trả dần như Biên bản hòa giải tại ban áp Vĩnh Phúc đã ghi. Sau đó, bà Ng đã trả cho bà T 1.500.000 đồng thì ngưng.

Ngoài ra, bà Ng còn khai đã đóng lãi cho bà T với mức lãi suất 30%/tháng (vốn 1.000.000đ thì đóng lãi 10.000đ/ngày). Từ ngày 24/11/2017 đến trước ngày hòa giải tại Ban áp Vĩnh Phúc, bà Ng đã đóng lãi cho bà T hơn 90.000.000 đồng, các lần đóng lãi do bà Ng trực tiếp đóng hoặc nhờ bà Ph đóng dùm. Nay bà Ng chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay 48.300.000 đồng với điều kiện bà T phải cho trả dần 1.000.000đ/tháng đến khi hết nợ và yêu cầu bỏ lãi.

Người làm chứng bà Lê Thị Hồng Ph khai phù hợp với lời khai của bà Ph tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 và Biên bản đối chất ngày 09/6/2020 tại Tòa án. Bà Ph cho rằng thực tế bà Ng có đóng lãi cho bà T 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (tức lãi suất 30%/tháng). Khi đóng lãi dùm cho bà Ng thì bà Ph không có làm biên nhận với bà T. Bà Ph mong bà T khai theo đúng sự thật và đúng lương T của mình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà Ng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ vay tổng cộng là 57.396.500 đồng, trong đó bao gồm: Vốn vay 48.300.000 đồng và tiền lãi 9.096.500 đồng (tính từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/3/2021, mức lãi suất 10%/năm).

Kể từ ngày 20/3/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện CPhú, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa bà T và bà Ng đều xác định số tiền nợ các bên đang tranh chấp là tiền nợ vay chứ không phải tiền nợ hui, do trước đây bà T có chơi hui của bà Ng nhưng các bên đã cản trừ xong. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà T và bà Ng là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản”.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Bà T và bà Ng thống nhất bà Ng có nhiều lần vay tiền của bà T, còn bà T có tham gia chơi hui do bà Ng làm chủ. Bà T và bà Ng có đưa vụ việc ra giải quyết tại Ban áp VP, thị trấn CD vào ngày 26/02/2019. Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng thừa nhận còn nợ bà T số tiền vốn vay 49.800.000 đồng; đến ngày 29/3/2019, bà Ng đã trả cho bà T 1.500.000 đồng, còn nợ bà T 48.300.000 đồng. Đây thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của bà T và bà Ng tại các Biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 11/6/2019, 20/8/2019 và 09/6/2020, Biên bản đối chất tại Tòa án ngày 09/6/2020 và lời khai của bà T và bà Ng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa bà T và bà Ng có xác lập hợp đồng vay tài sản; thuộc loại hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Tính đến ngày 29/3/2019, bà Ng còn nợ bà T số tiền vốn vay là 48.300.000 đồng.

[3.2] Xét, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, từ đó vụ việc được đưa ra Ban áp VP, thị trấn CD giải quyết. Bà Ng và bà T thống nhất khai có thỏa thuận lại việc trả nợ, cụ thể là cho bà Ng trả nợ dần hàng tháng, nhưng sau đó bà Ng chỉ trả được 1.500.000 đồng thì ngưng. Do bà Ng tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bà Ng trả số tiền vốn vay 48.300.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc tính lãi:

[4.1] Bà Ng khai mức lãi suất đã trả cho bà T là 30%/tháng; bà T khai có thỏa thuận trả lãi nhưng mức lãi suất cụ thể không cao như bà Ng khai. Do thời gian đã lâu, trước đây bà Ng có đóng lãi nhiều lần và số tiền lãi đóng cho nhiều lần vay khác nhau nên bà T không nhớ được mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Xét thấy, giữa bà T và bà Ng có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Bà Ng khai đã đóng lãi cho bà T với mức lãi suất 30%/tháng. Từ ngày 24/11/2017 đến trước ngày hòa giải tại Ban áp Vĩnh Phúc, bà Ng đã đóng lãi cho bà T hơn 90.000.000 đồng, các lần đóng lãi do bà Ng nhờ bà Ph đóng lãi dùm. Xét, việc bà Ng khai đóng lãi không được bà T thừa nhận; bà Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc có trả lãi số tiền 90.000.000 đồng. Các giấy tờ, tài liệu bà Ng đã cung cấp cho Tòa án không thể hiện rõ về nội dung bà Ng đã trả lãi cho bà T như thế nào. Tại phiên tòa, bà Ng xuất trình biên nhận tiền của các lần bà Ng đưa tiền cho bà Ph đóng lãi cho bà T, bà Ph có ký nhận với bà Ng. Tuy nhiên, giữa bà Ph với bà T không có làm biên nhận gì thể hiện việc trả lãi.

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập lấy lời khai của người làm chứng bà Lê Thị Hồng Ph; tại phiên đối chất ngày 09/6/2020, cả bà T, bà

Ng và bà Ph đều có mặt. Bà Ph khai: Có biết bà Ng có mượn tiền và chơi hụi với bà T từ năm 2017; bà Ng có nhờ bà Ph đi đóng lãi cho bà T rất nhiều lần, mỗi lần đóng vài trăm ngàn đồng nhưng sổ chính xác từng ngày thì bà Ph không rõ, bà Ng có đóng lãi rất nhiều lần và đóng lãi cao (30%/tháng) cho bà T. Xét, ngoài lời khai của bà Ph thì không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh về việc bà Ng đã trả lãi cho bà T. Do đó, bà Ng khai đã đóng lãi cho bà T với mức lãi suất 30%/tháng, tổng cộng đã trả lãi hơn 90.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Bà T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) là 01 năm 10 tháng 18 ngày. Số tiền lãi được tính như sau:

$48.300.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times (01 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}) = 9.096.500 \text{ đồng}.$

Về ý kiến của bà Ng chỉ yêu cầu được trả vốn 48.300.000 đồng, không đồng ý tính lãi và yêu cầu được trả nợ dần 1.000.000đ/tháng đến khi trả hết số tiền 48.300.000 đồng. Do ý kiến này không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Như vậy, bà Ng phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ vay tổng cộng là: 57.396.500 đồng, trong đó tiền vốn vay là 48.300.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) là 9.096.500 đồng. Kể từ ngày 20/3/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Do bà T và bà Ng không thỏa thuận được về mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử áp dụng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[6] Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị Thúy Ng phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ vay tổng cộng là 57.396.500 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay là 48.300.000 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng);
- Tiền lãi tính từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) là 9.096.500 đồng (Chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày 20/3/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Thúy Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001315 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị Thúy Ng phải chịu 2.870.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Phạm Thị Thúy Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh